

Chính sách phát triển hoạt động khoa học và công nghệ ở các trường đại học khối kinh tế trong bối cảnh tự chủ

BÙI THỊ HƯƠNG THẢO*
NGUYỄN THỊ KIM CHI**

Tóm tắt

Hoạt động khoa học và công nghệ (KHCN) của các trường đại học nói chung và các trường đại học tự chủ khối kinh tế nói riêng đã đạt được nhiều thành tích đáng kể trong công bố quốc tế và ứng dụng vào thực tiễn khi hỗ trợ, phối hợp thực hiện phát triển doanh nghiệp và kinh tế - xã hội quốc gia. Tuy nhiên, hiện nay, việc thực hiện nghiên cứu còn gặp khó khăn, bất cập. Bài viết này tìm hiểu thực trạng hoạt động KHCN tại các trường đại học khối kinh tế trong bối cảnh tự chủ dưới góc nhìn của giảng viên, từ đó đưa ra đề xuất nhằm hoàn thiện chính sách phát triển KHCN tại các trường đại học tự chủ khối kinh tế trong thời gian tới.

Từ khóa: đại học khối kinh tế, tự chủ, khoa học và công nghệ

Summary

Science and technology activities of universities in general and economics universities getting autonomous status in particular have achieved remarkable achievements in international publication and practical application with support and coordination in boosting enterprises as well as society and economy. However, those activities are now facing difficulties and shortcomings. This article explores the reality of science and technology activities at economics universities in the context of autonomy from the view of lecturers, thereby making suggestions to improve policies on science and technology development at the aforementioned universities in the near future.

Keywords: economics university, autonomy, science and technology

GIỚI THIỆU

Trong những năm qua, hoạt động KHCN nói chung và nghiên cứu khoa học (NCKH) nói riêng trong các cơ sở giáo dục (CSGD) đại học đã có những đóng góp quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội, nâng cao tiềm lực KHCN quốc gia; góp phần phát triển mạng lưới tổ chức và doanh nghiệp KHCN; đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Vị thế của các CSGD đại học Việt Nam đang từng bước xuất hiện trên bản đồ KHCN, giáo dục của khu vực và thế giới.

Mặc dù vậy, hoạt động KHCN trong các trường đại học ở nước ta vẫn còn có một số hạn chế, bất cập. Sự thiếu nhất quán, đồng bộ trong các chủ trương chính sách, các cơ chế khuyến khích chưa đủ mạnh, thủ tục hành chính phức tạp là nguyên nhân chính cản trở hoạt

động KHCN, cũng như đổi mới sáng tạo tại các trường đại học tại Việt Nam. Đặc biệt, với các trường đại học khối kinh tế, trong bối cảnh tự chủ, khi cơ hội có các sản phẩm hữu hình có thể thương mại hóa là rất thấp, khó khăn trong việc công bố quốc tế, thì làm sao để có được căn cứ và nguồn kinh phí đầu tư cho KHCN? Làm thế nào để khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia hoạt động KHCN? Trước tình hình đó, chính sách KHCN trong các trường đại học tự chủ khối kinh tế là chủ đề cần được nghiên cứu.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này được thực hiện thông qua phương pháp khảo sát, thu thập dữ

* ThS., Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

** TS., Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Ngày nhận bài: 20/10/2021; Ngày phản biện: 10/11/2021; Ngày duyệt đăng: 15/11/2021

liệu từ cán bộ NCKH, giảng viên tại các trường khối kinh tế theo định hướng tự chủ tại 3 thành phố lớn là Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng trong tháng 5-8/2020. Thông qua 2 hình thức khảo sát online và trực tiếp, kết quả thu được 255 phiếu hợp lệ. Số liệu thu thập sau khi làm sạch được phân tích bằng phần mềm SPSS nhằm đánh giá thực trạng triển khai hoạt động KHCN tại các trường đại học khối kinh tế tại Việt Nam.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Các mảng hoạt động KHCN

Hoạt động KHCN là một trong ba mảng hoạt động lớn của các CSGD đại học, bên cạnh hoạt động đào tạo và hoạt động hợp tác quốc tế. Luật Giáo dục đại học năm 2012 cũng quy định về mục tiêu và nội dung hoạt động KHCN trong các CSGD đại học ở Việt Nam (Điều 39, 40, 41), trong đó, 4 nội dung hoạt động KHCN cơ bản ở CSGD đại học là: (i) NCKH cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học giáo dục, KHCN để tạo ra tri thức và sản phẩm mới; (ii) Ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống; (iii) Xây dựng các phòng thí nghiệm, các cơ sở nghiên cứu phục vụ đào tạo và NCKH, các vườn ươm công nghệ, gắn phát triển công nghệ với tạo sản phẩm mới; (iv) Tham gia tuyển chọn, tư vấn, phản biện, thực hiện các nhiệm vụ, hợp đồng KHCN, các nhiệm vụ theo đơn đặt hàng.

Còn theo Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT, ngày 30/5/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, CSGD đại học có các hoạt động KHCN sau:

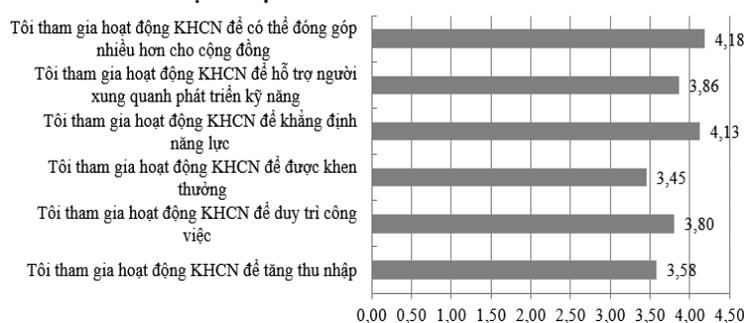
(1) Xây dựng định hướng phát triển KHCN cho từng giai đoạn và kế hoạch KHCN 5 năm, hằng năm.

(2) Đề xuất, tham gia tuyển chọn, triển khai thực hiện và tổ chức quản lý nhiệm vụ KHCN các cấp, các lĩnh vực nghiên cứu.

(3) Hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương mại và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ theo quy định hiện hành.

(4) Ứng dụng và chuyển giao kết quả NCKH và phát triển công nghệ, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng các vườn ươm công nghệ, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp KHCN, gắn phát triển công nghệ với tạo

HÌNH 1: ĐỘNG LỰC THAM GIA NCKH CỦA GIẢNG VIÊN



Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả (2020)

sản phẩm mới có khả năng thương mại cao; thực hiện dịch vụ KHCN.

(5) Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trọng điểm, liên ngành và chuyên ngành.

(6) Tổ chức hoạt động NCKH cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

(7) Tiến hành các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước về KHCN.

(8) Xây dựng hệ thống thông tin về hoạt động KHCN của nhà trường.

(9) Xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo hộ lao động, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm.

(10) Triển khai các hoạt động KHCN khác.

Qua nghiên cứu của nhóm tác giả, trong các trường đại học khối kinh tế, hoạt động KHCN tập trung vào những lĩnh vực chính sau: Triển khai nhiệm vụ khoa học các cấp từ cấp nhà nước, cấp bộ và tương đương, cấp cơ sở và các đề tài NCKH tư vấn cho các tổ chức, doanh nghiệp; Triển khai các hoạt động NCKH sinh viên; Công bố các sản phẩm KHCN qua hội thảo, tọa đàm; Các hoạt động KHCN phục vụ đào tạo, như: sinh hoạt khoa học bộ môn, viết giáo trình; Đầu tư phát triển tạp chí khoa học và cung cấp thông tin, chia sẻ nguồn lực khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin, cũng như bảo đảm liên chính trong khoa học.

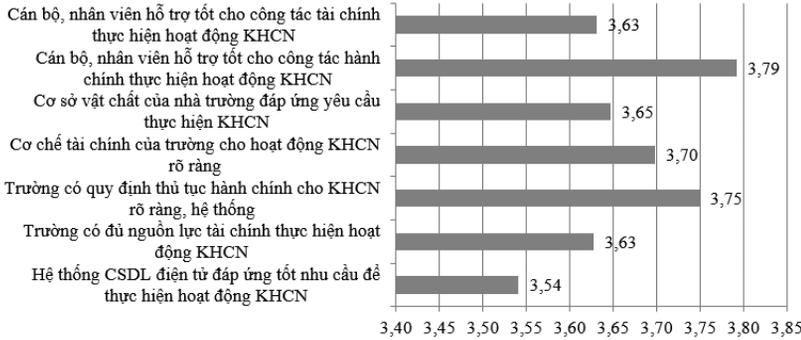
Động lực tham gia hoạt động KHCN của giảng viên

Các giảng viên đều khẳng định, hoạt động KHCN hay NCKH trong và ngoài trường đã hỗ trợ rất nhiều cho họ, không chỉ khẳng định năng lực, tăng thu nhập hay khen thưởng, mà hơn hết, còn đóng góp thiết thực cho cộng đồng và giúp những người xung quanh phát triển kỹ năng (Hình 1).

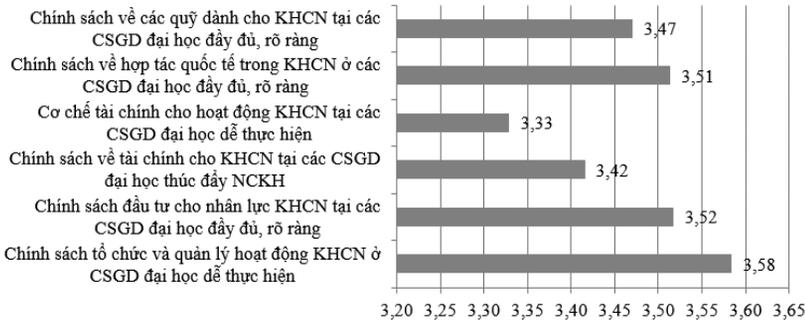
Nguồn lực phục vụ thực hiện hoạt động KHCN

Giảng viên đánh giá nguồn lực của các CSGD đại học ở mức tốt (điểm trung bình của các tiêu chí đạt trên 3,4). Khác với các trường đại học khối kỹ thuật, thực nghiệm, các trường đại học khối kinh tế không có quá nhiều yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu. Nguồn lực được quan tâm chủ yếu là nhân lực, tài chính và các cơ chế. Theo đánh giá của giảng viên, các trường đều có cán bộ, nhân viên hỗ trợ tốt cho công tác hành chính (3,78 điểm); có quy định thủ tục hành

HÌNH 2: ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KHCN CỦA CSGD ĐẠI HỌC



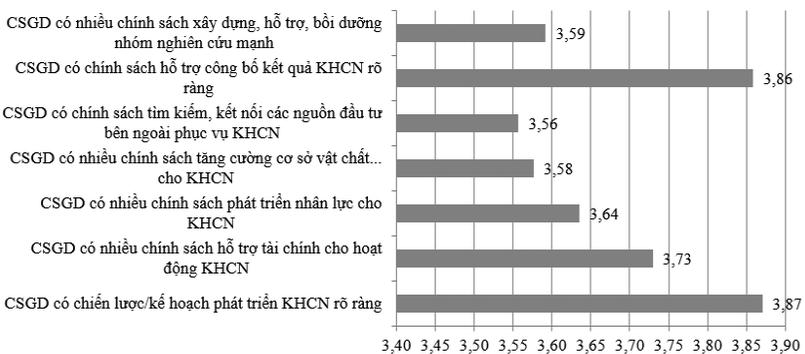
HÌNH 3: ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN VỀ CHÍNH SÁCH KHCN CHUNG



BẢNG 1: NHẬN THỨC CHUNG CỦA NHÓM GIẢNG VIÊN VỀ CHÍNH SÁCH KHCN

		Chính sách tổ chức và quản lý hoạt động KHCN ở CSGD đại học dễ thực hiện	Chính sách đầu tư cho nhân lực KHCN tại các CSGD đại học đầy đủ, rõ ràng	Chính sách về tài chính cho KHCN tại các CSGD đại học thúc đẩy NCKH	Cơ chế tài chính cho hoạt động KHCN tại các CSGD đại học dễ thực hiện	Chính sách về hợp tác quốc tế trong KHCN ở các CSGD đại học đầy đủ, rõ ràng	Chính sách về các quỹ dành cho KHCN tại các CSGD đại học đầy đủ, rõ ràng
Giới tính	nam	3,64	3,56	3,47	3,36	3,59	3,47
	nữ	3,52	3,47	3,36	3,30	3,43	3,47
Độ tuổi	dưới 30	3,25	3,25	2,94	2,38	3,38	3,13
	30-45	3,69	3,68	3,64	3,56	3,58	3,64
	46-55	3,35	3,13	2,90	2,93	3,43	3,03
	56-60	3,21	2,86	2,50	2,57	3,00	2,93
	> 60	4,00	3,00	4,00	3,00	4,00	4,00
Thời gian tham gia NCKH	< 1 năm	3,07	2,93	2,57	2,36	3,00	3,00
	1-5 năm	3,63	3,79	3,84	3,21	3,74	3,42
	5-10 năm	3,62	3,67	3,73	3,56	3,48	3,71
	> 10 năm	3,61	3,46	3,29	3,32	3,55	3,40

HÌNH 4: ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN VỀ CHÍNH SÁCH KHCN CỦA CÁC CSGD



Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả (2020)

chính và cơ chế tài chính rõ ràng (3,75 điểm). Tuy nhiên, so với các tiêu chí về chính sách hay cơ sở vật chất, thì các tiêu chí về cán bộ hỗ trợ thực hiện tài chính, nguồn lực tài chính và hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử của các trường khối kinh tế được đánh giá thấp hơn (Hình 2).

Nhận thức về chính sách thúc đẩy hoạt động KHCN của Nhà nước

Theo kết quả khảo sát ở Hình 3, các chính sách về quy trình, thúc đẩy hoạt động NCKH nhìn chung nhận được sự tán đồng từ phía giảng viên (điểm trung bình trên 3,4), ngoại trừ các quy định về cơ chế tài chính (điểm trung bình 3,33).

Bảng 1 cũng cho thấy, có sự khác biệt trong đánh giá về chính sách NCKH chung giữa các đối tượng cán bộ, giảng viên. Giảng viên nam đánh giá chính sách tốt hơn giảng viên nữ. Theo độ tuổi, nhóm tuổi từ 30-45 có đánh giá tốt nhất, đây cũng là nhóm chiếm hơn 1/3 số người trong khảo sát. Nhóm tuổi 56-60 có đánh giá thấp nhất về các chính sách chung. Họ cho rằng, chính sách tài chính cả về lượng và cơ chế đều chưa đáp ứng được nhu cầu và có tác động thúc đẩy, đôi khi còn tạo rào cản cho những người làm nghiên cứu trong CSGD đại học (điểm trung bình cho các tiêu chí liên quan chỉ khoảng 2,5).

Nhận thức về chính sách KHCN của CSGD đại học

Chính sách của CSGD đại học liên quan đến phát triển và thực hiện các hoạt động KHCN được giảng viên quan tâm là những chính sách về định hướng, về tài chính, về đầu tư nguồn lực... Nhìn chung, chính sách của CSGD được đánh giá ở mức tốt (điểm trung bình trên 3,4). Các cơ sở đã có chiến lược, kế hoạch phát triển KHCN rõ ràng (3,87 điểm). Những năm gần đây, công bố quốc tế ngày càng được chú trọng, có vai trò đáng kể trong việc nâng cao vị thế và thứ hạng của các trường trên bảng xếp hạng quốc tế, chính vì thế mà các trường cũng có chính sách hỗ trợ công bố kết quả KHCN nhiều hơn (điểm trung bình 3,86). Các trường cũng đã xây dựng chính sách về hỗ trợ tài chính và phát triển nguồn nhân lực; chính sách về tăng cường cơ sở vật chất hay kết nối các nguồn đầu tư; bồi dưỡng nhóm nghiên cứu mạnh (Hình 4).

Đánh giá của các nhóm giảng viên về chính sách của CSGD có điểm khá tương đồng với các chính sách chung của Nhà nước. Theo đó, những nhóm có đánh giá tốt hơn là nam giới, độ tuổi từ 30-45, có

thời gian tham gia NCKH trong khoảng 5 năm trở lên, chưa có học hàm và có trình độ thạc sĩ trở lên (Bảng 2).

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Để hoàn thiện chính sách phát triển KHCN ở các trường đại học khối kinh tế trong bối cảnh tự chủ, qua nghiên cứu thực trạng, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Về quy trình quản lý hoạt động KHCN

Thứ nhất, khắc phục những rào cản của hệ thống quản lý hoạt động KHCN. Cụ thể là giải quyết sự chồng chéo về chức năng quản lý của bộ chủ quản, tách rời giữa hai hệ thống đào tạo và nghiên cứu.

Thứ hai, khuyến khích các viện nghiên cứu và các trường đại học nghiên cứu hợp tác với nhau. Cần chú trọng hoạt động đào tạo tiến sĩ ở Việt Nam, vì vai trò quan trọng của nó đối với tương lai của hệ thống giáo dục đại học. Nên đào tạo nghiên cứu sinh theo hình thức tập trung, gắn với công bố quốc tế có uy tín.

Thứ ba, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các CSGD đại học. Đồng thời, cần bảo đảm tính công khai, công bằng và minh bạch trong việc xét duyệt đề tài nghiên cứu, đặc biệt là cho các nhà nghiên cứu trẻ.

Thứ tư, thu hút nhân sự có tài. Ngoài những ưu đãi cho các nghiên cứu viên và các nhà khoa học trong và ngoài nước, cần thực hiện việc bổ nhiệm các giáo sư, phó giáo sư chịu trách nhiệm về học thuật, về lãnh đạo hoạt động NCKH, tìm kiếm dự án.

Thứ năm, cần hoàn thiện quy định cụ thể về mức lương tương ứng với hiệu quả công việc và số bài báo quốc tế đối với

BẢNG 2: ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC NHÓM GIẢNG VIÊN VỀ CHÍNH SÁCH KHCN CỦA CSGD ĐẠI HỌC

		CSGD có chiến lược/kế hoạch phát triển KHCN rõ ràng	CSGD có nhiều chính sách hỗ trợ tài chính cho hoạt động KHCN	CSGD có nhiều chính sách phát triển nhân lực cho KHCN	CSGD có nhiều chính sách tăng cường cơ sở vật chất... cho KHCN	CSGD có chính sách tìm kiếm, kết nối các nguồn đầu tư bên ngoài phục vụ KHCN	CSGD có chính sách hỗ trợ công bố kết quả KHCN rõ ràng	CSGD có nhiều chính sách xây dựng, hỗ trợ, bồi dưỡng nhóm nghiên cứu mạnh
Giới tính	nam	4,08	3,83	3,82	3,74	3,73	3,97	3,71
	nữ	3,65	3,61	3,43	3,39	3,37	3,74	3,46
Độ tuổi	Dưới 30	3,56	3,31	3,38	3,25	3,00	3,81	3,31
	30-45	4,01	3,89	3,76	3,73	3,68	3,95	3,71
	46-55	3,65	3,48	3,40	3,33	3,48	3,63	3,40
	56-60	3,07	2,93	3,07	2,57	2,79	3,36	2,79
	> 60	4,00	3,00	3,00	4,00	3,00	4,00	5,00
Thời gian tham gia NCKH	< 1 năm	3,50	2,79	3,36	3,07	3,00	3,50	2,93
	1- 5 năm	3,74	3,79	3,79	3,53	3,84	4,26	3,84
	5-10 năm	3,85	3,86	3,79	3,75	3,51	3,86	3,71
	> 10 năm	3,93	3,74	3,56	3,54	3,60	3,84	3,56

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả (2020)

từng đối tượng trong một năm; số kinh phí dự án tài trợ mà cá nhân thu hút được; số bằng phát minh sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật...

Về đầu tư nguồn lực cho phát triển hoạt động KHCN

Việc đầu tư nguồn lực phát triển KHCN cho các trường đại học kinh tế trong bối cảnh tự chủ cần tập trung vào một số nội dung sau:

- Thể chế hóa cơ chế tự chủ, đặc biệt là tự chủ tài chính trong việc huy động và sử dụng các nguồn lực, trong đó có tài sản công phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, KHCN.

- Đầu tư vào nhân lực, đặc biệt là đội ngũ có năng lực cao, các nhóm nghiên cứu mạnh. Bởi, các nhóm nghiên cứu mạnh có vai trò đáng kể trong việc thực hiện nhiệm vụ học thuật và đem lại lợi ích kinh tế cho các CSGD đại học.

- Đầu tư vào số hóa và chuyển đổi số nhằm nắm bắt các thành tựu của cách mạng KHCN và hội nhập quốc tế. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2014). *Nghị định số 99/2014/NĐ-CP, ngày 25/10/2014 quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong CSGD đại học*
2. Chính phủ (2019). *Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học*
3. Chính phủ (2020). *Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập*
4. Chính phủ (2005). *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP, ngày 02/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*
5. Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số 2469/QĐ-TTg, ngày 16/12/2016 phê duyệt Đề án Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ nghiên cứu và đổi mới hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ trong CSGD đại học và giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2017-2025*
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011). *Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT, ngày 30/5/2011 về hoạt động KHCN trong các CSGD đại học*